

ĐÔI NÉT VỀ PHÂN HÓA XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM VÀ QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHÂN HÓA XÃ HỘI^(*)

Phạm Thị Hương^()**

^(**) Thạc sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: phamhuongvth.2016@gmail.com

Tóm tắt: Phân hóa xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới là một quá trình phức tạp, vừa phản ánh xu hướng biến đổi khách quan của sự phát triển, vừa là hệ quả chủ quan của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước vấn đề này, Đảng ta đã có những nhận định từ sớm nhằm đảm bảo định hướng quá trình phát triển xã hội chủ nghĩa không đi chệch hướng. Trên cơ sở khái quát xu hướng nghiên cứu và hệ thống hóa những dòng quan điểm chủ đạo, phổ quát về phân hóa xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới, bài viết tập trung phân tích làm rõ nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về phân hóa xã hội.

Từ khóa: phân hóa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, nhận thức của Đảng về phân hóa xã hội.

Ngày nhận bài: 11/06/2024; ngày phản biện: 12/06/2024; ngày sửa chữa: 10/07/2024; ngày duyệt đăng: 15/07/2024.

1. Dẫn luận

Nghiên cứu về xã hội là một chủ đề rộng lớn thu hút nhiều ngành, nhiều lĩnh vực tham gia từ khoa học tự nhiên đến các khoa học xã hội và nhân văn, mà mục đích không nằm ngoài việc làm sáng tỏ các xu hướng vận động, phát triển của xã hội. Trong đó, hướng nghiên cứu về phân hóa xã hội cũng là một bộ phận phản ánh xu hướng này. Ở Việt

Nam, trong bối cảnh nền kinh tế phát triển mở cửa và hội nhập, phân hóa xã hội không chỉ là đối tượng nghiên cứu được giới chuyên môn quan tâm mà thực sự trở thành vấn đề xã hội được các nhà quản lý, lãnh đạo chú trọng bởi nó có

^(*) Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ (2023 - 2024): “Phân hóa xã hội ở Việt Nam hiện nay: một số vấn đề lý luận và thực tiễn” do TS. Vũ Thị Thu Hằng làm chủ nhiệm.

liên quan trực tiếp và ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của đất nước trong tương lai.

“Phân hóa xã hội là sự phân chia xã hội thành những nhóm, những tầng, những tập hợp người đa dạng dựa trên những tiêu chí nào đó. Trong đó sự thống nhất và tính toàn vẹn thường bị phá vỡ trong quá trình phân hóa” (Trần Phúc Thăng 2006: 5). Theo đó phân hóa xã hội là hình thái đối lập với trạng thái toàn vẹn và tập hợp của xã hội. Phân hóa xã hội vì vậy sớm được nhận diện phổ biến dưới các hình thức như: phân hóa giai cấp (dựa vào những đặc điểm khác nhau về giai cấp, giai tầng trong xã hội để phân chia, phân loại thành các nhóm người khác nhau trong xã hội), phân hóa giàu nghèo (dựa vào tiêu chí khác nhau về kinh tế để phân chia các nhóm người khác nhau về thu nhập)...

Như vậy, thực chất của phân hóa xã hội là chỉ ra *đặc điểm khác quan khác nhau* của các tập hợp, từ đó phân tách xã hội thành các lớp lang khác nhau.

Khi nghiên cứu phân hóa xã hội thường có sự liên hệ nhất định đến một số khái niệm gần gũi như: phân cực xã hội, phân tầng xã hội. Thực tế, phân cực xã hội hay phân tầng xã hội cũng là một trạng thái phân chia xã hội dựa trên tiêu

chí nhất định. Song, phân cực xã hội hay phân tầng xã hội có nội hàm hẹp hơn phân hóa xã hội bởi chúng đi vào phân chia xã hội dựa theo những tiêu chí cụ thể, nhất định. Quan trọng hơn, cả phân cực xã hội và phân tầng xã hội không thuần túy chỉ ra đặc điểm khác quan khác nhau của đối tượng mà chính xác là chúng chỉ ra *xu hướng, diễn biến* của quá trình phân hóa xã hội ban đầu để đi đến kết quả là phân cực hay phân tầng xã hội. Cụ thể, có thể hiểu (1) Phân cực xã hội là hiện tượng khi quá trình phân hóa xã hội diễn ra theo xu hướng đối kháng, mâu thuẫn, thậm chí đối nghịch giữa các nhóm xã hội ở hai cực xác định. Còn (2) Phân tầng xã hội cũng là một kiểu phân hóa xã hội, cụ thể là việc phân loại xã hội thành các tầng lớp người có sự khác nhau về địa vị trong xã hội (địa vị kinh tế, địa vị chính trị, địa vị xã hội). Thực chất phân tầng xã hội chỉ ra xu hướng bất bình đẳng của quá trình phân hóa xã hội mà ở đó người/nhóm người ở tầng lớp cao hơn sẽ có nhiều lợi thế hơn người/nhóm người ở tầng lớp thấp hơn.

Như vậy, phân tầng xã hội hay phân cực xã hội đều là những biểu hiện cụ thể, khác nhau của quá trình phân hóa xã hội. Nếu như phân hóa xã hội được xem xét ở phạm vi bao quát, là một quá

trình, thì phân tầng xã hội, phân cực xã hội có tính chất cụ thể và có tính chất thời đoạn. Trong thực tế, phân tầng xã hội và phân cực xã hội là những biểu hiện thường xuyên, liên tục của quá trình phân hóa xã hội. Do đó, để phân tích và đánh giá quá trình phân hóa xã hội ở Việt Nam hiện nay thì căn cứ thực tiễn quan trọng chính là xem xét, đánh giá trình trạng phân tầng xã hội và phân cực xã hội.

2. Thực trạng nghiên cứu phân hóa xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

Trước hết, thực tiễn đổi mới đặt ra yêu cầu khách quan của việc nghiên cứu phân hóa xã hội.

Vấn đề nghiên cứu phân hóa xã hội ở Việt Nam được quan tâm nhiều hơn trong thời kỳ đổi mới. Điều này có nguyên nhân từ chính thực tế phát triển của nước ta cũng như tính chất khách quan của quá trình phân hóa xã hội. Phân hóa xã hội là một hiện tượng xã hội khách quan, phổ biến, và có tính lịch sử. Giai đoạn từ 1986 đến nay được xem là thời kỳ đổi mới căn bản và toàn diện của Việt Nam, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi lớn, cụ thể ở các phương diện: Chuyển đổi cơ cấu kinh tế: từ nền kinh tế tập trung bao cấp

sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển đổi cơ cấu đầu tư: mở cửa thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và chủ trương cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp: theo hướng mở rộng cơ cấu nghề nghiệp, phát triển nhiều ngành nghề mới như tăng nhanh lao động dịch vụ (cùng với sự gia tăng nhanh chóng của thành phần kinh tế tư nhân), các ngành nghề công nghệ cao...; thay đổi trình độ học vấn của người dân; sự phát triển của môi trường pháp lý và nhận thức chính trị trong xã hội.

Quá trình đổi mới với tất cả những đặc điểm nêu trên đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phân hóa xã hội ở Việt Nam theo hướng thúc đẩy quá trình này. Mặt khác, thực tiễn đổi mới với những vấn đề về kinh tế - xã hội thay đổi cũng đặt ra yêu cầu cho việc nghiên cứu, phân tích, theo dõi diễn biến tình hình phân hóa xã hội ở Việt Nam đối với công tác quản lý xã hội. Điều này mang lại cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước đưa ra các chính sách và biện pháp can thiệp, quản trị phù hợp, đảm bảo phân hóa xã hội nằm trong khuôn khổ định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa.

Thực trạng nghiên cứu phân hóa xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Phân hóa xã hội là một vấn đề được nhiều ngành thuộc khoa học xã hội quan tâm, phần lớn các nghiên cứu được công bố tập trung tiếp cận từ góc độ xã hội học, chính sách công, triết học. Trong số đó phần đa các nghiên cứu về phân hóa xã hội đều tiếp cận ở phạm vi hẹp, tức tập trung đánh giá tình trạng phân hóa xã hội theo những biểu hiện điển hình của nó là *phân hóa giàu nghèo* và *phân hóa giai tầng trong xã hội*. Đồng thời, cơ sở để đánh giá sự phân hóa xã hội Việt Nam được tập trung vào việc đánh giá *mức độ, tính chất của tình trạng phân tầng xã hội và phân cực xã hội* ở các lĩnh vực và phạm vi cụ thể khác nhau nhằm phán đoán và phát hiện ra xu hướng biến đổi của phân hóa xã hội theo hướng cực đoan như trở thành các mâu thuẫn, xung đột xã hội không có lợi cho sự phát triển chung.

Mặt khác, xem xét phân hóa xã hội từ các lĩnh vực cơ bản cho thấy, do quá trình đổi mới căn bản, toàn diện ở Việt Nam với việc đổi mới quan hệ kinh tế là yếu tố tiên quyết cũng là nguyên nhân khiến cho xu hướng phân hóa xã hội trong lĩnh vực kinh tế trở nên rõ nét và dễ dàng nhận diện hơn cả. Thực tiễn

nghiên cứu cũng phản ánh đúng hiện trạng này khi số lượng các công bố khoa học, điều tra, khảo sát thực trạng phân hóa xã hội trong lĩnh vực kinh tế (- phân hóa giàu nghèo) chiếm khối lượng lớn hơn cả, với thước đo điển hình là mức thu nhập của người dân.

Thứ nhất, nghiên cứu phân hóa xã hội với biểu hiện cụ thể là phân hóa giàu nghèo trong xã hội:

Các nhà nghiên cứu đều thống nhất quan điểm rằng hiện tượng phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam xuất hiện rõ nét khi nước ta bước vào giai đoạn đổi mới (từ năm 1986 cho đến hiện nay). Giai đoạn trước đó, từ sau năm 1954 đến trước thời kỳ đổi mới, ở miền Bắc và sau đó là cả nước (từ sau năm 1975) đã nhanh chóng xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất trên phạm vi toàn xã hội, quản lý kinh tế - xã hội theo cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp thì tình trạng phân hóa giàu nghèo chưa rõ ràng, “lúc đó sự phân hóa giàu nghèo bị che khuất bởi chủ nghĩa bình quân và chế độ công hữu với cơ cấu giai cấp “hai giai một tầng” (giai cấp công nhân liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức)” (Lý Thị Huệ, 2014: 20). Dựa vào kết quả khảo sát mức sống/thu nhập dân cư và số liệu điều tra tỷ lệ hộ nghèo, các nhà

ngiên cứu như: Đỗ Nguyễn Phương (1994), Lê Du Phong (1999), Trịnh Duy Luân (2001), Lê Hữu Nghĩa - Lê Ngọc Hùng (2012), Bùi Thị Hoàn (2013), Bùi Thế Cường (2015), Đỗ Thiên Kính (2018), Nguyễn Đức Tôn (2021),... có chung nhận định rằng từ khi chuyển sang thời kỳ đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phân tầng xã hội bộc lộ ngày rõ nét, phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng, khoảng cách giàu nghèo giãn rộng.

Theo kết quả các cuộc khảo sát mức sống dân cư được tiến hành trên phạm vi cả nước thì khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa 20% số hộ có mức thu nhập cao nhất với 20% số hộ có thu nhập thấp nhất có xu hướng tăng đều giai đoạn 1995 - 2014: năm 1995 là 7,0 lần; năm 1996 là 7,3 lần; năm 1999 là 7,6 lần; năm 2002 là 8,1 lần và năm 2004 là 8,34 lần, năm 2006 là 8,37 lần, năm 2008 là 8,93 lần, năm 2010 là 9,23 lần, năm 2012 là 9,35 lần, năm 2014 là 9,35 lần (Tổng cục thống kê 2021: 207, 208). Sau đó, giai đoạn 2016 - 2022 khoảng cách chênh lệch thu nhập này có sự dao động, đã có dấu hiệu giảm nhẹ: năm 2016 là 9,8 lần thì đến 2020 còn 8,0 lần và mới đây nhất năm 2022 là 7,6 lần (Tổng cục thống kê 2022: 2).

Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (GINI) sau một thời gian liên tục ở mức cao từ năm 2002 - 2016 (trên 0,4) thì đến năm 2020 đã giảm xuống mức 0,373 và hiện nay vẫn đang duy trì ở con số này, nằm trong ngưỡng bất bình đẳng trung bình (Tổng cục thống kê, 2021: 207, 208) (Tổng cục thống kê 2022).

Sự phân hóa giàu nghèo còn diễn ra theo vùng, khu vực, mà sự phân bố, tập trung tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đã phản ánh rõ hơn cả về thực trạng này. Cụ thể, theo số liệu mới nhất năm 2023 của Bộ Lao động thương binh xã hội, tỷ lệ hộ nghèo ở vùng trung du và miền núi phía Bắc đứng đầu trên toàn quốc là 11,29%, với tổng số hộ nghèo là 364.681 hộ; kế sau đó là Tây Nguyên và Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Hai khu vực có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 0,72% và 0,13%, và tổng số hộ nghèo lần lượt là 50.149 hộ và 6.239 hộ. Về hộ cận nghèo: Vùng trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ hộ cận nghèo cao nhất cả nước với 6,91% (223.271 hộ) (Bộ Lao động - Thương binh và xã hội 2024).

Thứ hai, nghiên cứu phân hóa xã hội với biểu hiện cụ thể là phân hóa giai tầng trong xã hội:

Phân hóa giai tầng là một biểu hiện cụ thể của phân hóa xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới. Đã có rất nhiều nghiên cứu đi sâu phân tích và chỉ ra đặc trưng của quá trình này. Trong đó, kết luận chung là phân hóa giai tầng ở Việt Nam diễn ra mạnh mẽ kể từ khi tiến hành đổi mới, hội nhập và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các nhà nghiên cứu cũng nhận định, quá trình phân hóa giai tầng trong xã hội mang lại tác động hai chiều, cả tích cực và tiêu cực đến các mục tiêu phát triển đất nước. Một xã hội có “cấu trúc tầng bậc” xuất hiện ngày càng rõ ràng, hình thành nên những giai tầng xã hội khác nhau về thu nhập, mức sống, địa vị kinh tế, hưởng thụ văn hóa, quyền lực chính trị và uy tín xã hội... Trong số đó, nổi bật lên ba hướng tiếp cận rõ nét khi nghiên cứu tình trạng phân hóa giai tầng và phân loại giai tầng ở Việt Nam, đó là: dựa trên quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, dựa trên thu nhập và dựa trên nghề nghiệp.

Một là, sử dụng tiêu chí quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất để phân chia xã hội thành hai giai cấp và một tầng lớp cơ bản (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức) như Hồng Giao, Thanh Giang, Trần Hữu Quang, Lê Minh Ngọc, Đỗ Thái Đông (Bùi Thế Cường, 2019).

Các nghiên cứu cho rằng phân hóa giai cấp ở Việt Nam với hai giai cấp và một tầng lớp cố định đang có sự biến đổi rất mạnh mẽ theo hướng chuyển từ cơ cấu “hai giai cấp, một tầng lớp” sang cơ cấu hai giai cấp và nhiều tầng lớp khác nhau. Bản thân các giai cấp và các tầng lớp cũng biến đổi mạnh mẽ trong bản thân nó. *Giai cấp công nhân* có xu hướng tăng lên về số lượng cùng với sự phát triển của các ngành nghề công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đa dạng hóa sự phát triển của giai cấp công nhân trong các thành phần kinh tế; giai cấp công nhân ngày càng được nâng cao về trình độ, ý thức lao động và tác phong công nghiệp của giai cấp công nhân; công nhân ngày càng đa dạng về cơ cấu ngành nghề. *Giai cấp nông dân* có xu hướng vẫn tăng mạnh về số lượng song tỷ trọng trong dân cư giảm. Giai cấp công nhân có xu hướng ngày càng được nâng cao về trình độ sản xuất và kinh doanh. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, người nông dân từ chỗ thụ động, chưa quan tâm đến việc học tập, tiếp thu trình độ kỹ thuật canh tác đã trở nên tích cực hơn, chủ động hơn trong quá trình sản xuất và kinh doanh. Hiện nay, sản xuất theo chuỗi, theo tiêu chuẩn

Vietgap ngày một gia tăng, đưa nông nghiệp Việt Nam bứt phá nhanh chóng và ngày càng xuất khẩu sản phẩm ra khắp thế giới, thâm nhập vào nhiều thị trường khó tính (năm 2018, sản phẩm xuất khẩu nông nghiệp nước ta đã cán đích trên 10 tỷ USD). Xu hướng tăng vai trò tự chủ của kinh tế hộ gia đình nông dân, tăng sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn. *Tầng lớp trí thức* tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng; đa dạng hóa trong cơ cấu nghề nghiệp và lĩnh vực hoạt động đặc biệt như công nghệ thông tin phát triển mạnh, các lĩnh vực dầu khí, điện tử, bưu chính viễn thông (đặc biệt là điện thoại di động)... Số lượng lớn trí thức làm việc trong các khu vực kinh tế tư nhân, với nước ngoài và làm việc ở ngoài nước mang nhiều kỹ năng công nghệ, kinh nghiệm tiên tiến của thế giới phục vụ nhu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội trong nước.

Hai là, sử dụng tiêu chí thu nhập để phân chia xã hội thành 6 giai tầng với 3 tầng bậc. Đáng chú ý trong số này có nghiên cứu của Bùi Thế Cường và Trương Sĩ Ánh đã dựa trên tiếp cận phân loại xã hội theo thu nhập chứng minh sự phân hóa xã hội Việt Nam qua 20 năm đổi mới, giai đoạn 1998 - 2018 như sau: Xã hội Việt Nam qua 20 năm

đổi mới đã cơ bản hình thành 6 giai tầng và chia thành 3 tầng xã hội. Mô hình phân hóa xã hội đến thời điểm này có hình thoi, đó là kết quả tiến hóa đáng kể về hình dạng phân tầng qua ba thời điểm 1998, 2008 và 2018. Cụ thể: thời điểm năm 1998, tỷ lệ của 6 giai tầng và 3 tầng xã hội có mô hình dạng tháp (hình nón)¹; thời điểm 2008, mô hình phân hóa giai tầng có sự biến đổi nhất định, khu vực đầu và giữa có xu hướng phình ra, khu vực đế có xu hướng thu nhỏ lại; đến thời điểm 2018, mô hình phân hóa giai tầng chuyển sang dạng hình thoi. Với tầng trên chiếm 10,6%, tầng giữa 65,4%, và tầng dưới 24,0%, so với giai đoạn 20 năm trước đó (năm 1998), ba con số này lần lượt là 1,3%, 27,2% và 71,4%). Như vậy để có sự chuyển hóa thành dạng hình thoi tầng trên đã tăng hơn tám lần, tầng giữa tăng 2,4 lần, và tầng dưới giảm ba lần (Bùi Thế Cường, Trương Sĩ Ánh 2020).

Ba là, sử dụng tiêu chí nghề nghiệp để phân chia xã hội thành 9 tầng lớp cơ bản nằm trong 3 tầng cấp độ của mô hình

¹ Mô hình dạng tháp (hình nón): phân hóa xã hội thành 6 giai tầng, với 3 tầng xã hội, cụ thể như sau:

- Tầng trên gồm: Giai tầng trên, giữa trên.
- Tầng giữa gồm: Giai tầng giữa, giữa dưới.
- Tầng dưới gồm: Giai tầng dưới trên, dưới dưới.

kim tự tháp². Theo mô hình này, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra xu hướng phân hóa xã hội cho thấy các tầng lớp thuộc tầng trung lưu đều tăng rõ rệt, theo hướng di động, dịch chuyển từ tầng lớp thấp lên. Sự lớn mạnh của tầng lớp trung lưu là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển đi lên của đất nước. Nó góp phần thiết thực vào quá trình dân chủ hóa, thực hiện mục tiêu xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng, dân chủ, văn minh (Nguyễn Đình Tấn 2017).

Bên cạnh đó, hướng tiếp cận mới hiện nay lại cho rằng cơ cấu giai tầng ở nước ta là một cấu trúc “đan kết” vừa có cấu trúc “ngang”, vừa có cấu trúc “dọc”. Cấu trúc “ngang” cho thấy một tập hợp các giai cấp, tầng lớp, nghề nghiệp, tổ chức, đoàn thể trong xã hội, trong đó bao hàm các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu thương, doanh nhân, trí thức... Cấu trúc “dọc” là cấu trúc “tầng bậc” cao thấp khác nhau trong xã hội, được xem xét (biểu hiện) ở ba dấu hiệu cơ bản khác nhau là: địa vị kinh tế (tài sản, thu nhập), địa vị chính trị (quyền lực), địa vị xã hội (uy tín) (Nguyễn Đình Tấn, 2019). Trên cơ sở tiếp cận này, xã hội Việt Nam phân hóa thành hai giai tầng cơ bản đó là: Tầng lớp xã hội ưu trội và tầng lớp xã hội yếu thế.

Tầng lớp xã hội “ưu trội”: bao gồm những người ưu tú với các thành tựu vượt trội, xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau trong xã hội. Như công nhân với nhiều sáng kiến, năng suất lao động cao, sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng, mang lại giá trị hữu ích cho xã hội; doanh nhân tài năng, quản lý hiệu quả, ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động và hàng hóa độc đáo, đa dạng, chất lượng tốt, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong thương trường, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước cũng như đóng góp nhiều nguồn tài chính cho các việc làm thiện nguyện...; nhà quản lý giỏi; những nhà khoa học với các phát minh, sáng chế, quy trình công nghệ mới, cơ chế quản lý hiện đại, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đất nước; nông dân làm ăn giỏi, chủ trang trại năng động, sáng tạo, khai thác tốt nguồn lực lao động tạo ra nhiều sản phẩm giá trị; người thợ thủ công với những ý tưởng độc đáo, tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu uy tín, mang lại lợi ích cao

² Mô hình kim tự tháp: phân hóa xã hội thành 3 tầng:

- Tầng lớp cao: Lãnh đạo, doanh nhân, chuyên môn cao.
- Tầng lớp giữa (trung lưu): Nhân viên, buôn bán - dịch vụ, công nhân.
- Tầng lớp thấp: Tiểu thủ công nghiệp, lao động giản đơn, nông dân.

cho xã hội...; công chức đề xuất giải pháp cải cách, hợp lý hóa, tối ưu hóa thủ tục hành chính, mang lại nhiều tiện ích và sự hài lòng cho người dân...

Tầng lớp xã hội yếu thế: được hình thành từ khắp các giai cấp, tầng lớp, tổ chức, nghề nghiệp, đoàn thể xã hội; đa số họ là những người vừa hạn chế về các nguồn lực kinh tế, xã hội, văn hóa tổ chức, vừa có những yếu kém về thể chất, tinh thần và gặp nhiều rủi ro, không may mắn trong cuộc sống.

Hai nhóm giai tầng này phản ánh hai thái cực trái ngược nhau của xã hội. Một bên là tầng lớp ưu trội có đầy đủ các lợi thế về mọi phương diện từ kinh tế, chính trị đến uy tín xã hội, trong khi đó tầng lớp xã hội yếu thế hoàn toàn ngược lại. Khoảng cách giữa hai tầng lớp xã hội này càng doãng rộng phản ánh tình trạng phân hóa xã hội ngày càng nghiêm trọng, cũng tức là bất bình đẳng xã hội ngày càng lớn. Các nhà nghiên cứu xã hội học thường sử dụng hệ số GINI để đo lường mức độ bất bình đẳng xã hội (tuy nhiên hệ số này chủ yếu dựa vào đánh giá bất bình đẳng trong phân phối thu nhập).

Cùng với đó, khi đánh giá thực trạng phân tầng xã hội ở Việt Nam từ thời kỳ đầu đổi mới đến nay, các nhà nghiên cứu nhận định rằng phân tầng xã hội vẫn

đang tiếp tục diễn ra sôi động. Đồng thời, phân tầng xã hội có hiệu ứng xã hội hai chiều với cả mặt tích cực và tiêu cực. Về mặt tích cực, phân tầng xã hội là động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng tính cơ động xã hội và phân công lao động một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tuy nhiên, phân tầng xã hội cũng bộc lộ rõ những mặt tiêu cực, có thể dẫn đến cản trở mục tiêu xây dựng xã hội công bằng, văn minh mà đất nước ta đang xây dựng, do sự xuất hiện một bộ phận làm giàu phi pháp thông qua tham nhũng, lợi ích nhóm, hoạt động kinh tế bất hợp pháp và lừa đảo... Cho dù nhìn nhận dưới góc độ nào thì mục tiêu của các nhà nghiên cứu cũng đều là phân tích, đánh giá mức độ phân hóa của xã hội, từ đó phát hiện những xu hướng phân hóa có thể dẫn tới kìm hãm sự phát triển xã hội, thúc đẩy tình trạng bất bình đẳng xã hội và có những đề xuất chính sách phù hợp, kịp thời. Thực trạng nghiên cứu về phân hóa xã hội ở Việt Nam cũng cho thấy đây là một vấn đề có tính đa dạng, khách quan, luôn biến đổi, do đó kết quả của nghiên cứu cũng chỉ mang tính tương đối và có ý nghĩa cung cấp căn cứ tại thời điểm nghiên cứu, đồng thời đưa ra dự báo trong tương lai gần.

3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phân hóa xã hội

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức sâu sắc về những cơ hội và thách thức, những thuận lợi và khó khăn, cũng như những tác động tích cực và mặt tiêu cực của việc mở cửa và phát triển kinh tế thị trường, dù có sự định hướng của Nhà nước. Một trong những vấn đề nổi cộm của quá trình này chính là vấn đề phân hóa xã hội. Có thể nói, vấn đề phân hóa xã hội đã được Đảng ta nắm bắt và nhận thức từ rất sớm, song hành cùng với quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Cụ thể, quan điểm, nhận thức của Đảng về vấn đề phân hóa xã hội có thể tổng hợp ở những nội dung sau:

Thứ nhất, về phương diện thuật ngữ và tính chất của phân hóa xã hội. Đảng ta nhận diện phân hóa xã hội chính là một trong những “khuyết tật” của nền kinh tế thị trường. Vì vậy, ngay từ buổi đầu của thời kỳ đổi mới Đảng đã xác định rõ mục tiêu của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chính là “nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế [...] Cơ chế mới lấy kế hoạch hóa

làm trung tâm, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu kết hợp với biện pháp hành chính, giáo dục, thực hiện phân cấp quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thiết lập trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế.” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 275).

Nhìn chung, tính chất của phân hóa xã hội chủ yếu được nhận thức ở chiều cạnh tác động tiêu cực và ở phạm vi hẹp, tức hiện tượng chia tách của các thực thể trong xã hội theo hướng gây ra tình trạng bất công bằng xã hội. Về mặt thuật ngữ, trong các tài liệu văn kiện của Đảng thời kỳ đổi mới cho thấy cụm từ “phân hóa xã hội” ít được sử dụng, chỉ xuất hiện trong văn kiện Đại hội XII khi đưa ra dự báo về tình hình thế giới và trong nước giai đoạn 2016 - 2020, trong đó phân hóa xã hội góp mặt trở thành một trong bốn nguy cơ mà Việt Nam phải đối diện, đó là: “khoảng cách giàu - nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng và Nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 636). Có thể thấy, thuật ngữ “phân hóa xã hội” được sử dụng vẫn nằm trong nhận thức chung chủ yếu nhấn mạnh đến tính chất chất tiêu

cực, bất cập của quá trình phân hóa xã hội, vì vậy nó cũng nằm trong mối quan hệ song song, đồng đẳng với một số biểu hiện cụ thể khác đã được đề cập trong nhiều kỳ đại hội trước đó như: khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch mức sống,...

Thứ hai, về hình thức biểu hiện của phân hóa xã hội. Hình thức và phạm vi biểu hiện của phân hóa xã hội cũng được Đảng cụ thể hóa và nhấn mạnh là tình trạng “*phân hóa giàu nghèo*”, “*khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống*”, hay “*khoảng cách chênh lệch giàu nghèo*”. Ở mỗi thời kỳ, sự nhận diện của Đảng về phân hóa xã hội tuy được gọi tên khác nhau song về bản chất vẫn là mô tả tình trạng chênh lệch về thu nhập, là tình trạng bất bình đẳng trong xã hội. Cụ thể, trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nhấn mạnh “*công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội [...] tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng*

căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, vùng đồng bào dân tộc, còn quá khó khăn. Chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế ở nhiều nơi rất thấp. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học”. (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 673, 674). Đến Đại hội lần thứ X, nhìn lại 20 năm đổi mới, tình trạng phân hóa xã hội - bất bình đẳng xã hội được Đảng cụ thể hóa hơn nữa, chỉ ra nguyên nhân cũng đồng thời là tính chất của tình trạng phân hóa giàu nghèo đã tồn tại từ trước đó: “*kết quả xóa đói giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng ra. Nhu cầu về việc làm ở thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt*.” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 89). Hay, văn kiện Đại hội XI tổng kết: “*xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, tình trạng tái nghèo cao. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo còn khá lớn và ngày càng doãng ra*.” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 388).

Thứ ba, nhận thức xu hướng phát triển mở rộng của phân hóa xã hội. Phân hóa xã hội trong thời kỳ đổi mới được Đảng tập trung quan tâm ở chiều cạnh thu nhập, lấy yếu tố kinh tế làm điểm

nhìn chủ yếu để đánh giá, phát hiện, đồng thời cũng là điểm định hướng trong giải quyết vấn đề phân hóa xã hội Việt Nam. Song, đến Đại hội XIII Đảng đã cho thấy bước phát triển quan trọng trong nhận thức, khi vấn đề phân hóa xã hội không chỉ được Đảng tập trung nhấn mạnh ở chiều cạnh phân hóa giàu nghèo (với chỉ tiêu đánh giá về thu nhập, kinh tế), mà vấn đề phân hóa xã hội còn được chú trọng ở chiều cạnh phân hóa giai cấp, cơ cấu xã hội mà chính xác là vấn đề phân tầng xã hội, biến đổi cơ cấu giai tầng. Cụ thể, một mặt Đảng ta nêu rõ những bất cập trong “giảm nghèo chưa bền vững, chưa có giải pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề phân hóa giàu - nghèo, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập, kiểm soát và xử lý các mâu thuẫn, xung đột xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021: 85). Mặt khác, Văn kiện XIII của Đảng cũng nhấn mạnh cần “nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội [...]. Trên cơ sở dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã

hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021: 147, 148).

Khác với thời kỳ trước đó, khi cơ cấu giai tầng xã hội tương đối ổn định với cơ cấu hai giai cấp một tầng lớp thì đến giai đoạn này, trước thực tiễn vận động biến đổi mạnh mẽ ở trong nước, Văn kiện Đảng lần thứ XIII không chỉ nhấn mạnh vào vấn đề phân hóa về kinh tế mà đã kịp thời bổ sung và nắm bắt cả xu hướng biến đổi, phân hóa giai tầng trong xã hội. Văn kiện Đại hội XIII cho thấy, Đảng ta rất quan tâm, chú trọng đến các mối quan hệ xã hội và xu hướng biến đổi cơ cấu giai tầng xã hội, đó là theo hướng ngày càng mở rộng, phát triển và biến đổi không ngừng của các giai cấp, tầng lớp cũ, bên cạnh sự xuất hiện ngày càng lớn mạnh của những tầng lớp mới. Do vậy, Đảng chú trọng vào nhiệm vụ “kiểm soát phân tầng”. Cách tiếp cận về phân hóa xã hội của Đảng ta theo đó đã có biến đổi, phù hợp với hiện thực phát triển, đồng thời cho thấy tính dự báo, đoán định kịp thời của một đảng lãnh đạo đất nước.

Thứ tư, về phương hướng giải quyết. Phân hóa xã hội là một trong những vấn đề quan trọng, bên cạnh các vấn đề về

kinh tế. Ngay từ thời kỳ đầu đổi mới, Đảng đã đề ra nhiệm vụ phải xây dựng cho bằng được *chính sách xã hội* để đồng bộ với chính sách kinh tế, đến Đại hội XII, Đảng khẳng định rõ ràng: “Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngay một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 678). Trong đó, nhiều chủ trương, quan điểm của Đảng về chính sách xã hội có tác động trực tiếp đến việc giải quyết vấn đề phân hóa, bất bình đẳng xã hội. Nghị quyết Đại hội lần thứ VI nhấn mạnh đến việc xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực và có hiệu quả các chính sách xã hội, cụ thể: “Thực hiện công bằng xã hội phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm an toàn xã hội, nhanh chóng khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Thực hiện sống và làm việc theo pháp luật. Nghiêm trị các phần tử làm ăn phi pháp” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 279). Các kỳ đại hội sau này, chính sách xã hội đã trở thành nội dung quan trọng không thể thiếu trong Văn kiện và được Đảng đề ra xuyên suốt, là một trong những nhiệm vụ

chính trị được Đảng ta quán triệt trong suốt thời kỳ đổi mới. Có thể điểm lại một số luận điểm nổi bật sau:

Đại hội VII (năm 1991) của Đảng, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* khẳng định mục tiêu và ý nghĩa to lớn của chính sách xã hội chính là: “Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 433).

Đại hội VIII (năm 1996) tiếp tục làm rõ qua điểm định hướng của Đảng trong thực hiện chính sách xã hội, đồng thời nhấn mạnh vai trò “nòng cốt”, chủ chốt của Nhà nước trong việc hiện thực hóa chính sách xã hội và là cầu nối để chính sách xã hội đến với quần chúng nhân dân. Văn kiện Đại hội VIII ghi nhận: “Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 713).

Đại hội IX (năm 2001) đặc biệt chú trọng đến những nhiệm vụ trọng tâm,

mũi nhọn trong việc thực hiện chính sách xã hội, đó là: “thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ trong phát triển sản xuất, tăng năng xuất lao động, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp. Giải quyết việc làm là một chính sách xã hội cơ bản” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2019: 923).

Mới đây nhất, Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới* chính là minh chứng xác đáng cho ý chí cùng quyết tâm chính trị cao độ của Đảng ta trong việc thực hiện công bằng xã hội, hạn chế tối đa những khuyết tật của nền kinh tế thị trường như phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo.

Có thể nói xây dựng và thực hiện chính sách xã hội là nhiệm vụ “sống còn” của chủ nghĩa xã hội bởi bản chất của nó là hướng đến thiết lập và duy trì cán cân công bằng xã hội - một giá trị cốt lõi của xã hội xã hội chủ nghĩa và những chính sách này cũng là phương tiện cụ

thể để giải quyết các vấn đề liên quan đến phân hóa xã hội.

4. Kết luận

Phân hóa xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới là một quá trình phức tạp và đa dạng, bên cạnh những diễn biến chủ yếu, những biểu hiện khách quan của quá trình phân hóa xã hội, nó cũng phản ánh những đặc điểm riêng của xã hội Việt Nam thời kỳ này ở chỗ: phân hóa giai tầng sâu sắc và phân hóa giàu nghèo diễn ra mạnh mẽ. Đó cũng chính là nguồn gốc tạo ra bất bình đẳng trong xã hội. Trước vấn đề này, Đảng và Nhà nước ta đã có nhận định từ sớm và đưa ra định hướng phát triển. Trên cơ sở định hướng của Đảng, chính sách xã hội chính là công cụ quan trọng của Nhà nước trong quản lý phát triển xã hội, thể hiện rõ vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước đối với các vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề giảm bất bình đẳng xã hội, kiểm soát tác động tiêu cực của phân hóa xã hội. Quan điểm của Đảng cho thấy sự tập trung nhận diện những tác động tiêu cực của phân hóa xã hội đến tiến trình phát triển đất nước. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận cả chiều cạnh tác động tích cực của nó. Bởi thực tế nhiều kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy phân hóa xã hội có tác động hai

mặt đến xã hội và công tác quản lý phát triển xã hội.

Tài liệu trích dẫn

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. 2024. Quyết định số 134/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/01/2024 “Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên phạm vi toàn quốc”.

(<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-134-QĐ-LD-TBXH-2024-cong-bo-ket-qua-ra-soat-ho-ngheo-ho-can-ngheo-2023-599059.aspx>).

2. Bùi Thế Cường. 2019. “Nghiên cứu cơ cấu giai tầng xã hội Việt Nam thập niên 1980”. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 12(256): 26-36.

3. Bùi Thế Cường, Trương Sĩ Ánh. 2020. “Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(150): 20-30.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2019. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, phần I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2019. *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, phần II. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn*

quốc lần thứ XIII, tập I. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

7. Lý Thị Huệ. 2014. “Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay. Thực trạng và hệ lụy”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 5(78): 20-28.

8. Nguyễn Đình Tấn. 2017. “Kiểm soát phân tầng xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay”. *Tạp chí Xã hội học*, 4(140): 33-38.

9. Nguyễn Đình Tấn. 2019. “Sự biến đổi của cơ cấu giai - tầng xã hội và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay”. *Tạp chí Lý luận chính trị*, 6: 109-113.

10. Trần Phúc Thăng. 2006. “Sự phân hóa xã hội và các chính sách xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế”. Đề tài cấp bộ. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

11. Tổng cục Thống kê. 2021. *Kết quả khảo sát mức sống cư dân Việt Nam năm 2012*. Hà nội: Nxb Thống kê.

12. Tổng cục thống kê. 2022. “Xu hướng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020”.

(<https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/xu-huong-bat-binh-dang-trong-phan-phoi-thu-nhap-o-viet-nam-giai-doan-2016-2020/>).